

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **35** /2021/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **05** tháng **8** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội, số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 về Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ Quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;



Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng Chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Hà Tĩnh tại các Văn bản: số 422/TTr-NHCS ngày 26/5/2021 và số 515/NHCS-HCTC ngày 29/6/2021; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 200/BC-STP ngày 25/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Đối với cho vay chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ, Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ, văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội và các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

“c. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 10% số tiền lãi thu được, mức phí này được phân bổ như sau:

Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: trích 6% số lãi thực thu để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động

cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương; trích 4% số lãi thực thu để chi cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính đối với công tác cho vay.

Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện: trích 6% số lãi thực thu để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện, các phòng, ban, đơn vị cấp huyện liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách cấp huyện; trích 4% số lãi thực thu để chi cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với công tác cho vay.”


3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 2 và khoản 7 Điều 9 Quy chế này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó VP/UB;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

